

Số: 26 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 3 năm 2022

KHẨN

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

I. Tình hình triển khai lập danh mục công trình, dự án năm 2022

1. Sự cần thiết

Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai thì: " Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng".

Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định "Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện".

Như vậy, việc HĐND tỉnh thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý triển khai thực hiện

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

3. Quy trình triển khai thực hiện

- UBND tỉnh căn cứ các quy định của Trung ương, ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện lập danh bổ sung mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, đôn đốc các địa phương lập hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022;

- UBND huyện, thị xã, thành phố triển khai đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện;

- Tổng hợp kết quả bổ sung các công trình, dự án cấp tỉnh từ kết quả các công trình, dự án của UBND cấp huyện đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022.

4. Nguyên tắc xác định danh mục công trình, dự án

- Xác định các danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất (*quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai*): Được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại Điều 36 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021; đồng thời xác định danh mục, công trình, dự án theo nguyên tắc chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 518/HĐND-KTNS ngày 03/12/2014.

- Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ: Đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai.

II. Kết quả thực hiện lập bổ sung các danh mục công trình, dự án năm 2022

1. Công trình, dự án phải thu hồi đất (khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)

Tổng số: 106 công trình, dự án, diện tích 436.664 ha. Chi tiết cụ thể theo biểu số liệu sau:

Stt	Tên huyện, thành phố, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Huyện Tư Nghĩa	8	12.45	18.150	Biểu 1.1
2	Huyện Minh Long	6	4.32	4.307	Biểu 1.2
3	Huyện Sơn Tịnh	9	21.69	3.925	Biểu 1.3
4	Huyện Bình Sơn	22	45.89	7.904	Biểu 1.4
5	Huyện Trà Bồng	9	60.41	25.070	Biểu 1.5
6	Huyện Sơn Hà	8	32.74	46.200	Biểu 1.6
7	Huyện Ba Tơ	10	3.15	5.545	Biểu 1.7
8	Huyện Nghĩa Hành	1	23.7		Biểu 1.8
9	Huyện Sơn Tây	1	0.2	200	Biểu 1.9
10	Thành phố Quảng Ngãi	7	149.59	1.600	Biểu 1.10
11	Huyện Mộ Đức	7	15.374	107.306	Biểu 1.11
12	Huyện Lý Sơn	2	11.95	75.000	Biểu 1.12
13	Thị xã Đức Phổ	16	55.2	458.600	Biểu 1.13
	Tổng	106	436.664	953.607	

(chi tiết có Biểu 1 kèm theo)

2. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ (điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)

Tổng số: 164 công trình, dự án, diện tích 1.273,36ha (trong đó: đất lúa 205,97ha, đất rừng phòng hộ 11,3ha). Chi tiết cụ thể theo biểu số liệu sau:

STT	Tên huyện, thành phố, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	
1	Huyện Tư Nghĩa	18	58.69	27.9		Biểu 2.1
2	Huyện Minh Long	16	19.02	6.06		Biểu 2.2
3	Huyện Sơn Tịnh	17	50.95	24.33		Biểu 2.3
4	Huyện Bình Sơn	21	286.99	41.07		Biểu 2.4
5	Huyện Trà Bồng	12	83.51	17.96	6.4	Biểu 2.5
6	Huyện Sơn Hà	14	378.59	22.51	4.42	Biểu 2.6
7	Huyện Ba Tơ	14	62.62	6.38	0.44	Biểu 2.7
8	Huyện Nghĩa Hành	4	4.96	1.2		Biểu 2.8
9	Huyện Sơn Tây	6	14.35	1.69	0.04	Biểu 2.9
10	Thành phố Quảng Ngãi	21	203.21	24.3		Biểu 2.10
11	Huyện Mộ Đức	15	85.09	23.27		Biểu 2.11
12	Thị xã Đức Phổ	6	25.38	9.3		Biểu 2.12
	Tổng	164	1.273,36	205.97	11,3	

(chi tiết có Biểu 2 kèm theo)

3. Dự kiến các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tổng kinh phí dự kiến cụ thể được các khoản kinh phí chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: **953.607** triệu đồng.

4. Một số trường hợp xin ý kiến HDND tỉnh

(1) Đối với công trình, dự án có trong kế hoạch sử dụng đất 03 năm liên tiếp mà chưa hoàn thành công tác thu hồi đất hoặc chưa chuyển mục đích sử dụng đất:

Theo báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố đối với các công trình, dự án có trong kế hoạch sử dụng đất 03 năm liên tiếp nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất mà UBND các huyện, thị xã, thành phố đề nghị được tiếp tục thực hiện dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2022, với nguyên nhân chủ yếu là các công trình, dự án có diện tích quy mô lớn, công trình dạng tuyến (*khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thậm chí Dự án phải tổ chức cưỡng chế, ...*); ngoài ra, có một số công trình, dự án UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tiến hành thu hồi một phần diện tích, phần diện tích còn lại chưa thu hồi được, nay đã quá 03 năm mà chưa thực hiện đúng kế hoạch sử dụng đất, về tiến độ thực hiện dự án đã nêu chi tiết tại Biểu số 3.

Để tháo gỡ các công trình, dự án nêu trên hoàn thành công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ cho việc phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh xin ý kiến HĐND tỉnh thống nhất các công trình, dự án này được tiếp tục thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất (*chi tiết có Biểu 3 và các Biểu từ 3.1 đến 3.8 kèm theo*).

(2) Tại Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của HĐND tỉnh đã thông qua danh mục thu hồi đất và danh mục chuyển mục đích đất lúa năm 2019 đối với 02 dự án như sau: (1) Đập Cà Ninh 85 ha, đất lúa 9 ha; (2) Đường Trì Bình - Cảng Dung Quất 66,18 ha, đất lúa 9,5 ha; sau khi rà soát đối với dự án Đường Trì Bình - Cảng Dung Quất còn thiếu 16,82 ha (*tổng diện tích dự án là 83 ha*).

Đối với phần diện tích đất lúa của 02 dự án nêu trên, sau khi Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và UBND huyện Bình Sơn xác định lại diện tích đất lúa thực hiện của 02 dự án nêu trên thì có tổng diện tích đất lúa trên 10 ha, cụ thể: (1) Đập Cà Ninh 17 ha; (2) Đường Trì Bình - Cảng Dung Quất 11 ha. Như vậy dự án có diện tích đất lúa trên 10ha thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai.

Từ các nội dung trên, để có cơ sở lập hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích đất lúa theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thống nhất bổ sung diện tích vào danh mục thu hồi đất năm 2022 tỉnh Quảng Ngãi và đính chính lại diện tích đất lúa tại Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của HĐND tỉnh đối với 02 dự án đập Cà Ninh và đường Trì Bình - Cảng Dung Quất cho phù hợp thẩm quyền như xác định lại của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi và UBND huyện Bình Sơn (*cụ thể tại mục 7, mục 8, II, Biểu 04 kèm theo Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của HĐND tỉnh*).

Đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết đối với 02 dự án nêu trên để làm cơ sở bổ sung thành phần hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ

xem xét, chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất lúa đối với dự án chuyển mục đích sử dụng trên 10ha đất lúa.

5. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2022, UBND tỉnh thực hiện:

(1). Bổ sung các công trình, dự án trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện.

(2). Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường để lập các thủ tục hoán đổi đất lúa, đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình, dự án đối với phần diện tích nằm trong Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 và Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh.

(3). Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố trong năm thực hiện kế hoạch mà có phát sinh công trình, dự án thu hồi đất và công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2022 thì tổng hợp trình UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thống nhất cho chủ trương thực hiện.

(4). Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các chủ đầu tư dự án tiếp tục triển khai thực hiện các công trình, dự án của năm 2020, 2021, 2022 theo quy định khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh uỷ (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường,
Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu VT, KTNak214.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh

Biểu 1:

BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số 26./TT-UBND ngày 03./3/2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên huyện, thành phố, thị xã	Số lượt công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Huyện Tư Nghĩa	8	12.45	18.150	Biểu 1.1
2	Huyện Minh Long	6	4.32	4.307	Biểu 1.2
3	Huyện Sơn Tịnh	9	21.69	3.925	Biểu 1.3
4	Huyện Bình Sơn	22	45.89	7.904	Biểu 1.4
5	Huyện Trà Bồng	9	60.41	25.070	Biểu 1.5
6	Huyện Sơn Hà	8	32.74	46.200	Biểu 1.6
7	Huyện Ba Tơ	10	3.15	5.545	Biểu 1.7
8	Huyện Nghĩa Hành	1	23.7		Biểu 1.8
9	Huyện Sơn Tây	1	0.2	200	Biểu 1.9
10	Thành phố Quảng Ngãi	7	149.59	1.600	Biểu 1.10
11	Huyện Mộ Đức	7	15.374	107.306	Biểu 1.11
12	Huyện Lý Sơn	2	11.95	75.000	Biểu 1.12
13	Thị xã Đức Phổ	16	55.2	458.600	Biểu 1.13
	Tổng	106	436.664	953.607	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN TỰ NGHĨA
(Kèm theo **Quy trình số 26**.../TT-UBND ngày **03/3/2022** của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ, thửa số)	Chức vụ, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
1	Dương Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn	2.00	Xã Nghĩa Lâm, xã Nghĩa Sơn	Tờ BD số 11, 12, 17, 23, 24 BD số 5, 9, Nghĩa Sơn	QĐ số 17062/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND huyện Tự Nghĩa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện thu từ quỹ đất và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công năm 2022	2,000		2,000				
2	Trường mầm non Nghĩa Mỹ	0.70	Xã Nghĩa Mỹ	Tờ BD số 6	QĐ số 17062/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND huyện Tự Nghĩa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện thu từ quỹ đất và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công năm 2022	1,050			1,050.00			
3	Khu dân cư phía Đông đường Phan Đình Phùng nội dài	6.00	Xã Nghĩa Trung	Tờ 1, 2, 4, 5	QĐ số 17062/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND huyện Tự Nghĩa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện thu từ quỹ đất và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công năm 2022	9500			9500			
4	Trụ sở UBND xã Nghĩa Hòa	0.60	Xã Nghĩa Hòa	Tờ BD số 9	QĐ số 17062/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND huyện Tự Nghĩa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện thu từ quỹ đất và phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công năm 2022	Không bồi thường						

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (địa cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Chiều
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó			
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
5	Mô phỏng dự án làm việc Huyện ủy Tư Nghĩa	0.10	Thị trấn La Hà	Tờ 23	QĐ số 17062/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện thu từ quỹ đất và phân bổ vốn chuyển bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công năm 2022	2000			2000		
6	Khu dân cư dọc bờ kè Bắc Sông Vệ	2.70	TT Sông Vệ	Tờ bản đồ số 10,11	QĐ số 17062/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện thu từ quỹ đất và phân bổ vốn chuyển bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công năm 2022	1000		1000			
7	Cài tạo đường dây 22 K V đầu nối nhà máy thủy điện Thạch Nham thuộc dự án thủy điện Thạch Nham	0.05	xã Nghĩa Lâm	Tờ bản đồ số 15, 21	QĐ 2612 ngày 15/12/2016 về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư tại QĐ số 14/CTĐT-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh	100				100	
8	Trụ sở làm việc Khoa bạc Nhà nước Tư Nghĩa	0.30	Thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 22, 23	QĐ số 145/QĐ-BTC ngày 10/02/2022 của Bộ Tài chính	2.500					2.500
Tổng						18150.00	0.00	2000.00	13550.00	0.00	2600.00

Biểu 1.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN MINH LONG
(Kèm theo Tờ trình số 26.../TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
1	Khu dân cư Đồng Vòng (1,7ha) (GD1)	1,7	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 05 tỉ lệ 1/1000 xã Long Hiệp	QB số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện.	2447			2.447.00			
2	Nâng cấp hệ thống thoát nước Đồng Vòng - Đồng Nguyễn (GD1)	0,36	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 13 và 19 xã Long Hiệp	Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022; QB số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện.	70			70			
3	Sân vận động Long Môn (GD1)	0,7	xã Long Môn	Tờ bản đồ số 05 tỉ lệ 1/5000 và tờ bản đồ số 03 tỉ lệ 1/1000 xã Long Môn	Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022; QB số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện.	600			600			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Chi chú	
						Tổng (trệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
4	Xây dựng điểm tập trung sinh hoạt cộng đồng, không gian văn hoá Hè tại thôn Thượng Đò, xã Thanh An (GD1)	0,5	Xã Thanh An	Tờ bản đồ số 33 xã Thanh An	<p>Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022. QĐ số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện.</p>	550			550			
5	Cầu sông Phước Giang, xã Long Sơn	1,0	Xã Long Sơn	Tờ bản đồ số 59 II lệ 1/1000 xã Long Sơn	<p>Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án Cầu sông Phước Giang, xã Long Sơn; QĐ 890/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương</p>	450		450				
6	Nhà văn hóa và sân thể thao thôn Hà Bội	0,06	Long Hiệp	Tờ bản đồ số 27	<p>Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về kế hoạch đầu tư công năm 2022. QĐ số 2001/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các công trình khởi công mới năm 2022, nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn ngân sách huyện; Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 24/12/2021, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách huyện.</p>	190			190			
Tổng		4,32	0,00	0,00	0,00	4307,00	0,00	450,00	3857,00	0,00	0,00	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SON TINH

(Kèm theo Tờ trình số 26/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số)	Quyết định phân khai vốn đầu tư năm 2022	Tổng nguồn vốn đầu tư	Phân bổ kinh phí đầu tư năm 2022	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
								Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
									Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(9)+(10)+(11)+(12)+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)		
1	Trường Tiểu học Tỉnh Hà (điểm trung tâm); Hàng mục: Mở rộng khuôn viên trường và các hạng mục khác	0.45	Xã Tỉnh Hà	Tờ bản đồ số 23	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	4.600	1.500	1.000			1.000				
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trường Xuân – Quốc lộ 24B – Tỉnh Thọ (Bình Hiệp – Tỉnh Trà) (DH20).	6.90	Xã Tỉnh Hà và xã Tỉnh Thọ	- Tỉnh Hà: Tờ bản đồ số: 06, 07, 11, 16, 17, 32, 35 - Tỉnh Thọ: Tờ bản đồ số: 45, 46, 50, 51, 53, 60, 62	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	60.000	11.000	10.000			10.000				
3	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện Chợ Đình - Tỉnh Trà - Bình Chương (DH.13B)	3.50	Xã Tỉnh Bình	Tờ bản đồ số 01, 05, 10, 15, 42	Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	35.000	10.000	5.000			5.000				
4	Tuyến đường D2 Trung tâm huyện lỵ Sơn Tỉnh Mới (Giải đoạn 1)	3.30	Xã Tỉnh Hà	Tờ bản đồ số 09, 14, 20	Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	60.000	28.000	8.000			8.000				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH1 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số)	Quyết định phân khai vốn đầu tư năm 2022	Tổng nguồn vốn đầu tư	Phần bổ kinh phí đầu tư năm 2022	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Chi chú	
								Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
									Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(9)+(10)+(11)+(12)+(13)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
5	Khu dân cư Vinh Suong	0.80	Xã Tinh Hà	Tờ bản đồ số 26	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	6.000	1.500	1.200			1.200			
6	Cầu Thọ trung, xã Tinh Thọ, huyện Sơn Tinh	0.50	Xã Tinh Thọ	Tờ bản đồ số 56, 57, 58, 59, 60	Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	12.000	10.000	700		700				
7	Nghĩa trang nhân dân Núi Đất	4.20	Xã Tinh Bình	Tờ bản đồ số 13	Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	2.500	900	200			200			
8	Trạm y tế xã Tinh Đông	0.14	Xã Tinh Đông	Tờ bản đồ số 31	Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương									
9	Khu dân cư số 1, xóm 8 Minh Long, xã Tinh Minh	1.90	Xã Tinh Minh	Tờ bản đồ số 05	Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND xã Tinh Minh về việc phân bổ kinh phí để đầu tư xây dựng Công trình: Khu dân cư số 1 xóm 8 Minh Long	8000		3000				3000		
TỔNG CỘNG						180.100	962.00	3.925.20	0.00	713.00	212.20	3.000.00		

Biểu 1.4

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN
(Kèm theo tờ trình số 26/TT-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Trụ sở UBND xã Bình Hải cũ	0.16	xã Bình Hải	Tờ bản đồ số 28	Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Bình Sơn theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2	50.0			50.0				Đăng ký thu hồi đất để thực hiện đấu giá

STT	Tên công trình, đơn	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vấn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	Nhà sản thôn Thọ An (giai đoạn 2)	1.37	Xã Bình An	Tờ bản đồ số 30	Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn dầu tư công năm 2022.	3,082			3082			
5	Mở rộng trường THCS xã Bình An	0.04	Xã Bình An	Tờ bản đồ số 37	Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 03/2/2021 của UBND huyện Bình Sơn.	50			50			
6	Mở rộng trường Mẫu giáo xã Bình An	0.16	Xã Bình An	Tờ bản đồ số 37	Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 03/2/2021 của UBND huyện Bình Sơn.	50			50			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
7	Trường trung học xã Bình Chánh	0.18	xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 43	Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Bình Sơn theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ- CP ngày 31/12/2	30			30			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Chi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						(13)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
8	Nhà sinh hoạt thôn Bình An Nội	0.23	xã Bình Chánh	Tờ bản đồ số 32	Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Bình Sơn theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ- CP ngày 31/12/2	50			50				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chú trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Chi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						(13)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
9	Trạm bơm điện thôn Thạch An	0.1	Xã Bình Mỹ	Tờ BD 2	Quyết định số 4623/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách huyện	1,900.0			1,900.0				
10	Trạm bơm điện thôn Phước Tích	0.1	Xã Bình Mỹ	Tờ BD 8	Quyết định số 4623/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách huyện	1,900.0			1,900.0				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
11	Tuyến đường Trĩ Bình - Càng Dung Quát	16.82	xã Bình Chánh, Bình Thành, Bình Đông, Bình Thuận	Tờ bản đồ số 10, 24, 25, 26, 27, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 41, 42, 66, 70, 71 và 75 Bình Chánh; 73, 74, 75 và 76 Bình Thành; 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44, 45 và 48 Bình Đông; 64 và 65 Bình Thuận	Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi							Dự án có trong Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của HĐND tỉnh. Nay, đang ký hồ sơ địa chính thu hồi đất.	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						(13)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
12	Tuyến Tỉnh lộ 621 (nút Lê Thị Hành) - Lê Ngung	0.50	Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ địa chính số 8;12;13	Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.	50.0			50.0				
13	Kè Bến Đụn	3.10	Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ địa chính số 45;46;48	Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.	50.0			50.0				
14	Kè Khu dân cư ven sông Trà Bông	4.00	Xã Bình Trung	Tờ bản đồ địa chính số 02;03	Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.	50.0			50.0				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						(12)	(13)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)		
15	Trụ sở làm việc UBND xã Bình Long	0.80	Xã Bình Long	Tờ bản đồ địa chính số 13	Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.	50.0			50.0					
16	Trụ sở làm việc UBND xã Bình Tân Phú	2.00	Xã Bình Tân Phú	Tờ bản đồ địa chính số 104;105;111;1 12	Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.	52.0			52.0					
17	Mở rộng khuôn viên nghĩa trang liệt sỹ và nhà ghỉ ơn Mẹ Việt Nam anh hùng	0.80	Xã Bình Long	Tờ bản đồ địa chính số 12	Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.	20.0			20.0					

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						(12)	(13)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)		
18	Đường và hệ thống xử lý nước thải tập trung thị trấn Châu Ô	1.50	Xã Bình Trung	Tờ bản đồ địa chính số 02;03	Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.	50.0			50.0					
19	Công viên cây xanh thị trấn Châu Ô	6.20	Thị trấn Châu Ô; Xã Bình Trung	Tờ bản đồ địa chính số 40;41, thị trấn Châu Ô Tờ bản đồ địa chính số 03;12, xã Bình Trung	Quyết định số 4626/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.	50.0			50.0					

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vấn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
20	Nhà văn hóa thôn Tây Phước 1	0.09	Xã Bình An	Trờ bản đồ địa chính số 42	Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc chuyển tài sản công của Trường Mẫu giáo xã Bình An cho UBND xã Bình An	20.0			20.0				
21	Khu dân cư Nam Bình tại xã Bình Nguyễn, huyện Bình Sơn	3.94	xã Bình Nguyễn	Trờ bản đồ địa chính số 14 và 21									Để thực hiện đầu thầu, đầu giá theo quy định

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chú trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
22	Khu dân cư Vinh An	3.20	xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	Tờ bản đồ số 41, 42, 53, 54		7904.00	0.00	0.00	7904.00	0.00	0.00	Dự án đã được Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chấm dứt chủ trương đầu tư và đề nghị đăng ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đầu thầu, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
	Tổng cộng	45.89				7904.00	0.00	0.00	7904.00	0.00	0.00	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN TRÀ BÔNG
(Kèm theo Quyết định số 16/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	(6)	Tổng nguồn vốn đầu tư	Dự kiến kinh phí đầu tư năm 2022	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
								Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (10) + ... + (14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Xây dựng các tuyến đường phía Bắc đô thị trấn Trà Xuân	10,64	TT. Trà Xuân	Tờ BD số 6, 7, 8, 9, 10, 20 và 32	Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Trà Bông về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	220,000	500				500			
2	Xây dựng các khu dân cư trong đô thị trấn Trà Xuân - Khu dân cư Ngõ Dồn 1	4,10	TT. Trà Xuân	Tờ BD số 19 và 20	Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND huyện Trà Bông về chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư Ngõ Dồn 1, thị trấn Trà Xuân; Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Trà Bông về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	11,000	70				70			UBND huyện đầu tư, đầu tư giá quyền sử dụng đất
3	Xây dựng các khu dân cư trong đô thị trấn Trà Xuân - Khu dân cư Ngõ Dồn 2	9,26	TT. Trà Xuân	Tờ BD số 19 và 20	Quyết định số 4724/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND huyện Trà Bông về chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư Ngõ Dồn 2, thị trấn Trà Xuân; Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Trà Bông về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	19,000	200				200			UBND huyện đầu tư, đầu tư giá quyền sử dụng đất
4	Khu dân cư Đồng Trầy và Khu dân cư Đồng Trỗi (bao gồm đất ở và đất cơ sở hạ tầng khu dân cư)	5,10	TT. Trà Xuân	Tờ BD số 16, 17 và 18	Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển nhà ở năm 2019, đến năm 2020 và dự kiến các năm tiếp theo (năm 2021 - 2025) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;	70,000	1,000						1,000	Chuyển mục đích, đầu tư giá quyền sử dụng đất (Dự án đã được chi trả bởi thường, hỗ trợ, tái định cư, hiện do TTP/QĐ huyện quản lý theo quy định)
5	Xây dựng các khu dân cư trong đô thị trấn Trà Xuân - Khu dân cư 21, tổ dân phố 3	2,15	TT. Trà Xuân	Tờ BD số 18, 19 và 31	Quyết định số 4943/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Trà Bông về việc bố trí vốn cho các danh mục dự án khởi công mới năm 2022	5,000	1,000				1,000			UBND huyện đầu tư, đầu tư giá quyền sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (tên cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Tổng nguồn vốn đầu tư	Dự kiến kinh phí đầu tư năm 2022	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Chi chú	
								Tổng (trệu đồng)	Trong đó					
									Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vấn khác (Doanh nghiệp, hộ trợ...)
6	Khu dân cư xã Trà Bình (thôn Bình Thanh)	1.57	Xã Trà Bình	Tờ BD số 34 và 35	Quyết định số 4788/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND huyện Trà Bình về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Khu dân cư Trà Bình; Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Trà Bình về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	5,000	400		400				UBND huyện đầu tư, đầu tư giá quyền sử dụng đất	
7	Khu dân cư xã Trà Bình (thôn Bình Đông)	1.00	Xã Trà Bình	Tờ BD số 41, 42 (1/1000) và Tờ BD số 5 (1/5000)	Quyết định số 4788/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND huyện Trà Bình về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Khu dân cư Trà Bình; Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Trà Bình về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022	5,000	400	400				UBND huyện đầu tư, đầu tư giá quyền sử dụng đất		
8	Thủy điện Trà Phong IC	26.50	Trà Xinh	Tờ BD số 01, 05 và 06 (1/5000)	Quyết định 2361/QĐ-BCT ngày 07/9/2020 Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn các tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam; Công văn số: 3435/SNNP/TNT-KL Quảng Ngãi, ngày 24/10/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi về việc xác định kết quả khảo sát đánh giá hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp Dự án thủy điện Trà Phong IC	483,000	21,000				21,000	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật đầu tư và pháp luật có liên quan		
9	Mở rộng Chùa Kim Long	0.09	TT. Trà Xuân	Tờ bản đồ số 18	Đơn xin đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022 của Đại diện Chùa Kim Long (Xin mở rộng)	2,000	500					500		
TỔNG CỘNG		60.41				820,000	25,070	0	0	0	2,570	0	22,500	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SON HÀ

(Kèm theo Quyết định số 46/QTĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chức năng, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
1	Đường DH.72 (Sơn Nhâm – Sơn Kỳ)	3.00	Sơn Cao Sơn Lĩnh Sơn Nhâm		Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;	1.000.00		1.000.00				
2	Đường Hà Thành – Sơn Giang – Hải Giả (nối tiếp)	4.80	Sơn Giang Sơn Trung		Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;	3.000.00		3.000.00				
3	Đường Huyện đội - Nước Bung	2.51	TT. Di Lăng	Tờ BBDC 665548 TT Di Lăng	Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;	13.500.00		13.500.00				
4	Khắc phục sạt lở khu dân cư Đồi Gai, thị trấn Di Lăng	1.50	TT. Di Lăng	Tờ BBDC số 02 TT Di Lăng	Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;	700.00		700.00				
5	Khu dân cư An Thịnh	5.00	TT. Di Lăng	Tờ BBDC 665548 TT Di Lăng	Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương;	18.000.00		18.000.00				
6	Khắc phục Cầu Sơn Giang - Sơn Lĩnh (xã Sơn Lĩnh, Sơn Giang, huyện Sơn Hà)	2.50	Sơn Giang và Sơn Lĩnh	Tờ BBDC 662560 xã Sơn Lĩnh	Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân khai kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2021	4.000.00	4.000.00					

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ, thửa số)	Chức vụ, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Chi chú				
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã						
7	Trụ sở làm việc Đội Quản lý trật tự huyện Sơn Hà	0.13	Thị trấn Di Lăng		Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và GPMB để xây dựng CT: Trụ sở làm việc Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Sơn Hà; ĐĐXD: TDP Gò Dẹp, TT Di Lăng, huyện Sơn Hà	0.0000119			0.0000119							
8	Cụm công nghiệp Sơn Hà, huyện Sơn Hà (phần mở rộng)	13.30	Sơn Hà	Tờ BDDC cơ sở số 674560; Tờ HDDC cơ sở số 6, 7 tỷ lệ 1:5000	Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	6,000			6,000							Trước đây đang ký dự án là Bồi thường, GPMB cụm công nghiệp Sơn Hà, huyện Sơn Hà
Tổng		32.74				46,200.00	4,000.00	700.00	41,500.00	0.00	0.00					

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN BA TƠ

(Kèm theo Tờ trình số 16/ĐTY-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						(12)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
1	Trường THCS Ba Vì; hàng mục: Nhà Đa Năng	0.67	xã Ba Vì	Tờ 28 BDDC xã Ba Vì	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	5.0			5.0				
2	Khu dân cư chính trang phía Đông đường Trần Toại thị trấn Ba Tơ	0.79	TT Ba Tơ	Tờ 7, 12 BDDC thị trấn Ba Tơ	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	1,700.0			1,700.0				
3	Khu dân cư chính trang phía Tây Bắc Suối Tạt Năng thị trấn Ba Tơ	0.69	TT Ba Tơ	Tờ 7 BDDC thị trấn Ba Tơ	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	2,100.0			2,100.0				
4	Phù điêu Di tích lịch sử chiến thắng Đá Bàn	0.05	TT Ba Tơ	Tờ 17 BDDC thị trấn Ba Tơ	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	960.0			960.0				

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
5	Nhà văn hóa TDP Đá Bàn	0.15	TT Ba Tơ	Tờ 15 BDDC thị trấn Ba Tơ	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	0.0						Không bồi thường
6	Đập và kênh Nước Ôn	0.20	xã Ba Bích	Tờ 50 BDDC xã Ba Bích	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	180.0			180.0			
7	Đập dâng Nước Lế	0.30	xã Ba Lế	Tờ 33 BDDC xã Ba Lế	QĐ số 933/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 v/v giao kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2022 của UBND huyện Ba Tơ	200.0			200.0			
8	Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Ba Cung	0.15	xã Ba Cung	Tờ 15 BDDC xã Ba Cung	Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương	200.0			200.0			Là đất xây dựng trụ sở cơ quan; nằm trong Trung tâm hành chính mới của xã Ba Cung

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
9	Nâng cấp BTXM từ QL24 đi NVH thôn Đốc Mốc 2 Nói tiếp	0.11	xã Ba Cung	Tờ 14, 15 BDDC xã Ba Cung	Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND huyện về việc phân bổ kinh phí thường xuyên năm 2021 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 5545/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt danh mục đầu tư công trình phúc lợi xã Ba Cung từ nguồn tiền thường xã đạt chuẩn nông thôn mới	200.0		200.0					
10	Nối tiếp BTXM từ nhà ông Phạm Văn Hoàng đến nhà ông Phạm Văn Xa	0.04	xã Ba Cung	Tờ 19 BDDC xã Ba Cung	Quyết định số 5610/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nối tiếp BTXM từ nhà ông Phạm Văn Hoàng đến nhà ông Phạm Văn Xa	0.0							Không bồi thường
Tổng		3.15				5,545.00	0.00	400.00	5,145.00	0.00	0.00		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SƠN TÂY

(Kính theo Tờ trình, số 16/TT-UBND ngày 03/1/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9))+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Dường điện 0,4KV tuyến Đài truyền thanh-Nghĩa trung liệt sỹ	0.20	Xã Sơn Dung	từ 6 BDLN xã Sơn Dung	Ghi vốn tại Quyết định số 2796/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND huyện Sơn Tây.	200.0			200.0			
Tổng cộng						200.0			200.0			

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỦ HỒI ĐẤT NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 03/13/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư							Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (8) + (9) + ... + (13)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Khu hành chính tập trung thành phố Quảng Ngãi	8.72	phường Trương Quang Trùng, xã Tịnh An	Tờ bản đồ số 17 phường Trương Quang Trùng, Tờ bản đồ số 4, 8 xã Tịnh An	Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương								
2	Đầu tư tạo quỹ đất sạch tại vị trí Khu du lịch Mỹ Khê	18.27	Xã Tịnh Khê và xã Tịnh Kỳ	Tờ bản đồ số 5 xã Tịnh Khê, Tờ bản đồ số 8 xã Tịnh Kỳ	Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương								

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9) +...+(13)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	Dầu tư tạo quỹ đất sạch dọc sông Trà Khúc, xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	12.27	Xã Tịnh Long	Tờ bản đồ số 11, 12, 25	Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương							
4	Dầu tư tạo quỹ đất sạch tại vị trí Hạ lưu đập dâng sông Trà Khúc, xã Tịnh An - xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	61.27	Xã Tịnh An và xã Tịnh Long	Tờ bản đồ số 7, 10, 11, Tờ bản đồ số 8, 21	Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương							
5	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Phố Trường xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi	0.50	xã Nghĩa An	Tờ bản đồ số 01	Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	100.00		100.00				
6	Khu tái định cư xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi phục vụ GPMB dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIA, thành phần 1 (bổ sung)	1.16	xã Nghĩa Hà	Tờ bản đồ số 17, 18	Công văn số 3956/UBND - CNXD ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	1.500.00	1.500.00					

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						(12)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (8) + (9) + ... + (13)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
7	Nâng cấp, mở rộng khu neo dầu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tỉnh Hòa	47,40	xã Tỉnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi	Tờ bản đồ số 23, 60	Quyết định số 3386/QĐ-BNN- KH ngày 27/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tỉnh Hòa								
TỔNG CỘNG						1,600,000	1,500,000	100,000					

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN MỘ ĐỨC
(Kèm theo Hồ sơ số 46/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí thửa đất (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
1	Dự án: Khu dân cư Mẫu Này, thôn Phước Hòa, xã Đức Phú; giai đoạn 1: Khu dân cư dọc đường vào trang trại Vinamilk, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	3.23	Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 17,18,25 của xã Đức Phú	QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện về phân bổ vốn đầu tư công năm 2022 huyện Mộ Đức	5,000.0			5,000.0			
2	Khu dân cư Vĩnh Thành, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức	1.97	Xã Đức Minh	Tờ bản đồ số 20 của xã Đức Minh	QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện về phân bổ vốn đầu tư công năm 2022 huyện Mộ Đức	4,521.0			4,521.0			
3	Khu dân cư Vườn Quấn, xã Đức Thành, huyện Mộ Đức	1.31	Xã Đức Thành	Tờ bản đồ số 6,7 của xã Đức Thành	QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện về phân bổ vốn đầu tư công năm 2022 huyện Mộ Đức	3,355.0			3,355.0			
4	Nhà Văn hóa thôn Thạch Trụ Tây	0.06	Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 44 (thửa 47 và 85) của xã Đức Lân	341/QĐ-UBND, ngày 24/12/2021 của UBND huyện về việc phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Mộ Đức	1,500.0		900.0	600.0			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hộ trợ...)		
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện			Ngân sách cấp xã
5	Tuyến đường Bàu Sùng - Biên Dạm Thủy Bắc (DH.34B)	4.38	Xã Đức Chánh, Đức Thành và Đức Minh	Tờ bản đồ Số 19, 20, 26 xã Đức Chánh, Tờ bản đồ số 3 xã Đức Thành, Tờ bản đồ số 6, 7, 15, 19 xã Đức Minh	Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND, ngày 29/6/2021 của UBND huyện Mộ Đức; Quyết định số 890/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 17315/QĐ-UBND, ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức	14,930.0		14,930.0				
6	Tuyến đường Đức Tân (Quê Thừa xuân) - Quốc lộ 24 (đoạn nội thị)	4.18	Xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 06 và số 09 xã Đức Tân và tờ bản đồ số 04, 08, 09, 12, 16 thị trấn Mộ Đức	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND, ngày 29/06/2021 của UBND huyện; Quyết định số 17316/QĐ-UBND, ngày 03/12/2021 của UBND huyện Mộ Đức và Quyết định số 890/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	75,500.0		60,000.0	15,500.0			
7	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Mộ Đức	0.25	Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 09	QĐ số 145/QĐ-BTC ngày 10/02/2022 của Bộ Tài chính	2,500					2,500	
Tổng cộng:		15.374	0	0	0	107,306.0	0	74930	29276	600	2500	0

DANH MỤC QUẢN LÝ DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN LÝ SƠN

(Kèm theo Tờ trình số 15/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm	Biên bản đấu giá/chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã			
1	Lâm viên núi Hòn Vung	9.20	An Vinh, huyện Lý Sơn	Tờ bản đồ số 23, 27	Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn ngân sách huyện để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư	65,000			65,000				
2	Hồ chứa nước Suối Củng	2.75	An Hải, huyện Lý Sơn	Tờ bản đồ số 32, 33, 40, 47	Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn ngân sách huyện để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư	10,000			10,000				
Tổng						75000.00	0.00	0.00	75000.00	0.00	0.00		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí thực hiện					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
1	Khu dân cư thôn Hùng Nghĩa	0.81	xã Phó Phong	Tờ bản đồ số 31	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	2,500			2,500			
2	Khu dân cư đường Phạm Hữu Nhật	2.20	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BD số 8, 9, 14	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	35,000			35,000			
3	Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn	2.75	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BD số 5, 6	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	42,600			42,600			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí thực hiện					Ghi chú	
						Trong đó						
						Tổng (trệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường		Vốn khác (Doanh nghiệp, hộ trợ...)
4	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài và khu tái định cư	10.57	Phường Phố Minh, Phường Phố Ninh	Tờ BD DC 4; 5 phường Phố Ninh; Tờ BD DC 4; 5; 9 phường Phố Minh	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	20,000			20,000			
5	Đường Huỳnh Thúc Kháng	1.54	Phường Phố Minh, Phường Phố Hoà	Tờ BD DC 6 phường Phố Hoà; Tờ BD DC 16 phường Phố Minh	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	20,000			20,000			
6	Cầu Đập Giảng	0.13	Phường Phố Minh	Tờ BD số 13	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	3,800			3,800			
7	Kè chống sạt lở các điểm dọc sông Trà Cầu	4.63	Phường Phố Minh, Phường Phố Ninh	Tờ BD DC 1,4 phường Phố Minh; Tờ BD DC 3,5 phường Phố Ninh	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	15,000			15,000			

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí thực hiện						Ghi chú
						Trong đó						
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
8	Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Đông Làng; giải phóng mặt bằng các lô: A5, A6, A7, A9, B3, B4	4.83	Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BD số 24	Công văn số 3471/UBND-CNXD ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các Cụm công nghiệp tại địa bàn các huyện: Sơn Tịnh, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Ba Tơ và thị xã Đức Phổ; Công văn số 6774/UBND-CNXD ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác bồi thường, GPMB tại các Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Đức Phổ							
9	Mở rộng Cụm công nghiệp Phố Phong	6.4	xã Phố Phong	Tờ BD số 49	Công văn số 3471/UBND-CNXD ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các Cụm công nghiệp tại địa bàn các huyện: Sơn Tịnh, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Ba Tơ và thị xã Đức Phổ; Công văn số 6774/UBND-CNXD ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác bồi thường, GPMB tại các Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Đức Phổ							

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí thực hiện					Ghi chú	
						Trong đó						
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
10	Cầu Sộp và đường dẫn	0.52	xã Phố Phong	Tờ BD số 31	Quyết định số 14178/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc nguồn vốn ngân sách cấp thị xã	8,500		8,500				
11	KDC vùng lôm	0.90	Phường Phố Minh	Tờ BD số 10	CV số 1057/UBND-QLĐT thị xã Đức Phổ ngày 14/5/2021 về việc thông nhất chủ trương cho lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Các khu dân cư vùng lôm phường Phố Minh	300			300			
12	Nâng cấp tuyến đường từ cầu Hải Tân đến giáp đường DT627B	0.20	Phường Phố Quang	Tờ BD số 15	Quyết định số 5910/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện Đức Phổ về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chỉ ngân sách địa phương năm 2020	1,900		1,900				
13	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị Sa Huỳnh	18.32	Phường Phố Thành	Tờ số 18, 24 phường Phố Thành	Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	45,000				45,000	Dự án đã cấp chủ trương đầu tư	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định ghi vốn	Dự kiến kinh phí thực hiện					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường	
14	Khu đô thị Đông Phố Ninh	56,74	Phường Phố Ninh	Tờ số 4,5,8,9 phường Phố Mình. Tờ bản đồ số 5,13 phường Phố Ninh		180,000				180,000	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
15	Nghĩa trang tập trung của thị xã tại xã Phố Khánh	41,3	xã Phố Khánh	Tờ bản đồ số 58, 65		84,000				84,000	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
16	Các khu dân cư vùng lớn xã Phố Khánh	1.40	xã Phố Khánh	Tờ số 10,12,15,20,2 6							
	TỔNG	55.20				458.600		149.300	300	309.000	

Biểu 2:

BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 CẤP HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 03./3./2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên huyện, thành phố, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	
1	Huyện Tư Nghĩa	18	58.69	27.9		Biểu 2.1
2	Huyện Minh Long	16	19.02	6.06		Biểu 2.2
3	Huyện Sơn Tịnh	17	50.95	24.33		Biểu 2.3
4	Huyện Bình Sơn	21	286.99	41.07		Biểu 2.4
5	Huyện Trà Bồng	12	83.51	17.96		Biểu 2.5
6	Huyện Sơn Hà	14	378.59	22.51	4.42	Biểu 2.6
7	Huyện Ba Tơ	14	62.62	6.38	0.44	Biểu 2.7
8	Huyện Nghĩa Hành	4	4.96	1.2		Biểu 2.8
9	Huyện Sơn Tây	6	14.35	1.69	0.04	Biểu 2.9
10	Thành phố Quảng Ngãi	21	203.21	24.3		Biểu 2.10
11	Huyện Mộ Đức	15	85.09	23.27		Biểu 2.11
12	Thị xã Đức Phổ	6	25.38	9.3		Biểu 2.12
Tổng			164	1273.36	205.97	11.3

Biểu 2.1

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA**

(Kèm theo Tờ trình số 26.../TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Đường Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ đi Nghĩa tràng liệt sĩ tỉnh	1.00	0.18		Xã Nghĩa Thuận	Tờ BD số 12;13;16	Đã được UBND tỉnh phê duyet trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
2	Khu dân cư Bàu Sen	9.94	0.10		Xã Nghĩa Thắng	Tờ BD số 2	Đã được UBND tỉnh phê duyet trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
3	Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tĩnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3)	5.60	2.25		Xã Nghĩa Thuận	Tờ BD số 3, 5, 9	Đã được UBND tỉnh phê duyet trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
4	Trường THPT Chu Văn An - Xây dựng khu thể chất và các hàng mục phụ trợ	0.16	0.10		Thị trấn La Hà	Tờ BD số 23	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
5	Khu dân cư chính trang đô thị tổ dân phố 2	12.71	9.40		Thị trấn La Hà và xã Nghĩa Trung	Tờ BDDC số 15, 16, 20, 21 thị trấn La Hà; tờ BDDC số 5, 6 xã Nghĩa Trung.	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
6	Chính trang đô thị và kết hợp xây dựng khu dân cư mới, thị trấn La Hà	5.50	3.56		Thị trấn La Hà	Tờ BDDC số 22,23,25,26	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
7	Đường Phan Đình Phùng nối dài - Nghĩa Trung (Đoạn từ khu dân cư Phú Sơn đến đường dẫn cao tốc)	5.48	3.26		Xã Nghĩa Trung	Tờ BD số 02,05,09	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
8	Trường bán, thao trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự huyện Tư Nghĩa	4.48	1.34		Nghĩa Kỳ	Tờ BD số 25	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPII (ha)			
9	Cửa hàng xăng dầu Tư Nghĩa	0.37	0.04		Xã Nghĩa Thương	Tờ BD số 22	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
10	Cửa hàng xăng dầu xã Nghĩa Thương	0.30	0.30		Xã Nghĩa Thương	Tờ BD số 16	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
11	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Petro Dung Quất 3	0.50	0.49		Xã Nghĩa Trung	Tờ BD số 10	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
12	Cửa hàng xăng dầu Trung Thiên Tâm	0.45	0.37		Xã Nghĩa Kỳ	Tờ BD số 22	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021
13	Showroom trang trí nội thất và VLXD Trung Thiên Tâm	0.50	0.41		Xã Nghĩa Kỳ	Tờ BD số 22	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tư Nghĩa tại QĐ 1379 ngày 31/12/2021

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LƯU (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
14	Đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn	2.00	0.05		Xã Nghĩa Lâm, xã Nghĩa Sơn	Tờ BD số 11, 12,17,23,24 Nghĩa Lâm; Tờ BD số 5,9, Nghĩa Sơn	
15	Tường mành non Nghĩa Mỹ	0.70	0.70		Xã Nghĩa Mỹ	Tờ BD số 6	
16	Khu dân cư phía Đông đường Phan Đình Phùng nối dài	6.00	5.00		Xã Nghĩa Trung	Tờ 1, 2, 4, 5	
17	Khu dân cư dọc bờ kè Bắc Sông Vệ	2.70	0.05		TT Sông Vệ	Tờ bản đồ số 10,11	
18	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Tư Nghĩa	0.30	0.30		Thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 22, 23	
Tổng		58.69	27.90				

Biểu 2.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHÒNG NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Tờ trình số 126/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Đường Suối Tía -Thôn 3 (giai đoạn 2) phần phát sinh lần 2	0.04	0.04		Long Hiệp	Tờ bản đồ số 10, số 14	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
2	Đường Long Môn đi Sơn Cao - Sơn Hà	6.66	0.05		Long Môn	Tờ bản đồ số 15 BDLN; 4 BDLN	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
3	Đường và kè chống sạt lở từ xóm Mới đến Suối Tía xã Long Hiệp, huyện Minh Long	5.35	1.54		Xã Long Hiệp; Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 58, xã Long Mai; Tờ bản đồ số 2, 5, 9 xã Long Hiệp	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2022
4	Kè chống sạt lở bờ tả từ hạ lưu cầu Dư Hữu- nhà ông Long thôn Dư Hữu	0.30	0.07		Long Mai	Tờ bản đồ số 31	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
5	Sân bóng đá mi ni cỏ nhân tạo, kết hợp bể bơi	0.32	0.22		Long Hiệp	Tờ bản đồ số 10	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2024
6	Nhà văn hóa thể thao thôn Long Thượng	0.07	0.03		Long Mai	Tờ bản đồ số 15	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2025
7	Nâng cấp sửa chữa Trường Mầm non Ánh Dương	0.20	0.20		Long Hiệp	Tờ bản đồ số 9, số 13	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2027
8	Chỉnh trang trung tâm huyện: Hàng mục: Quảng trường, sân nền, kè, vỉa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và công viên cây xanh	2.70	0.72		Long Hiệp	Tờ bản đồ số 05; 10; 14	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2028
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Gò Tranh Giữa, xã Long Sơn, huyện Minh Long (Trụ điện)	0.02	0.01		Long Sơn	Tờ bản đồ số 9, 4, 8, 15, 16	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2029

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chú chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
10	Xây dựng nhà trực vận hành Tổ quản lý điện tổng hợp Minh Long	0.03	0.03		Long Hiệp	Tờ bản đồ số 10	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2030
11	Xây dựng trụ điện 22kv	0.01	0.01		Long Mai	Tờ bản đồ số 16;52	Công trình đã thông qua Nghị Quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2031
12	Khu dân cư Đồng Vông (1,7ha) (GD1)	1.7	1.70		Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 05 tỉ lệ 1/1000 xã Long Hiệp	Công trình phát sinh trong năm kế hoạch
13	Nâng cấp hệ thống thoát nước Đồng Vông - Đồng Nguyễn (GD1)	0.36	0.04		Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 13 và 19 xã Long Hiệp	Công trình phát sinh trong năm kế hoạch
14	Nhà Văn Hoá và sân thể thao thôn Hà Bôi	0.06	0.60		Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 27 xã Long Hiệp	Công trình phát sinh trong năm kế hoạch

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (tên cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
15	Sân vận động Long Môn (GDI)	0.7	0.30		xã Long Môn	Tờ bản đồ số 05 tỉ lệ 1/5000 và tờ bản đồ số 03 tỉ lệ 1/1000 xã Long Môn	Công trình phát sinh trong năm kế hoạch
16	Xây dựng điểm tập trung sinh hoạt cộng đồng, không gian văn hoá Hre tại thôn Thượng Dỗ, xã Thanh An (GDI)	0.5	0.50		Xã Thanh An	Tờ bản đồ số 33 xã Thanh An	Công trình phát sinh trong năm kế hoạch
Tổng		19,02	6,06				

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG

(Kèm theo Tờ trình số 46/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng đường xã tuyến QL24B - ngõ ông hai Tổng	0.33	0.06		Xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 18, 26	<p>Công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 31/12/2021</p>	
2	Trạm bơm Keo Tây xã Tịnh Minh	0.02	0.02		Xã Tịnh Minh	Tờ bản đồ số 10		
3	Điểm dân cư nông thôn Hóc Lài thôn Minh Mỹ, xã Tịnh Bắc	0.41	0.11		Xã Tịnh Bắc	Tờ bản đồ số 11		
4	Điểm dân cư nông thôn Đồng Trường thôn Minh Mỹ, xã Tịnh Bắc	0.56	0.29		Xã Tịnh Bắc	Tờ bản đồ số 11		
5	Khu tái định cư Rộc Ông Xã phục vụ GPMB dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	3.30	2.55		Xã Tịnh Thọ	Tờ bản đồ số 47		
6	Khu tái định cư Vườn Làng phục vụ GPMB dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	6.40	4.42		Xã Tịnh Thọ và Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 30 xã Tịnh Phong và tờ số 52 xã Tịnh Thọ		
7	Cầu và đường nối từ trung tâm huyện Lý Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3)	5.00	1.77		Xã Tịnh Sơn và Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 19 xã Tịnh Hà và tờ 19, 23 xã Tịnh Sơn		

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)				
8	Trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh	4.06	0.68		xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 19	Công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	
9	Mở rộng QL1A - Nguyễn Thường	0.03	0.03		xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 20		
10	Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ KCN Tịnh Phong	13.36	9.60		xã Tịnh Phong	Tờ bản đồ số 29, 30		
11	Tuyến D2	3.30	1.15		Xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 9, 14, 20	Công trình xin bổ sung	
12	Cầu Thọ Trung, xã Tịnh Thọ	0.50	0.22		Xã Tịnh Thọ	Tờ bản đồ số 56, 57, 58, 59, 60	Công trình xin bổ sung	
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trường Xuân - Quốc lộ 24B - Tịnh Thọ (Bình Hiệp - Tịnh Trà) (ĐH 20)	6.90	0.51		Xã Tịnh Hà, Tịnh Thọ	- Tịnh Hà: Tờ bản đồ số: 06, 07, 11, 16, 17, 32, 35 - Tịnh Thọ: Tờ bản đồ số: 45, 46, 50, 51, 53, 60, 62	Công trình xin bổ sung	
14	Nghĩa trang nhân dân Núi Đất	4.20	0.36		Xã Tịnh Bình	Tờ bản đồ số 13	Công trình xin bổ sung	
15	Khu dân cư số 1, xóm 8 Minh Long, xã Tịnh Minh	1.90	1.90		Xã Tịnh Minh	Tờ bản đồ số 05	Công trình xin bổ sung	
16	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Ân Tịnh Sơn	0.37	0.36		Xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 16	Công trình xin bổ sung	
17	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Ân Tịnh Bắc	0.31	0.30		Xã Tịnh Bắc	Tờ bản đồ số 07	Công trình xin bổ sung	
17	TỔNG	50.95	24.33					

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, BƯỞI AN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHÌ NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Tờ trình số 25/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Hạng mục	Phương đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đường vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô: Hạng mục Khu tái định cư	2.46	1.00		Xã Bình Trung; Thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ địa chính số 8; 18; 10 Xã Bình Trung Tờ bản đồ địa chính số 42; 44 Thị trấn Châu Ô	
2	Cầu Thạch An (Bình Minh - Bình Mỹ)	6.87	0.60		Xã Bình Minh Xã Bình Mỹ	Tờ bản đồ số 53 xã Bình Minh; Tờ bản đồ số 1; 9 xã Bình Mỹ	
3	Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương	6.72	0.69		Xã Bình Minh và xã Bình Khương	Tờ bản đồ số 13, 32, 38, 39 xã Bình Minh; Tờ bản đồ số 45, 46, 52, 53, 55, 56 xã Bình Khương	
4	Nhà máy điện mặt trời xã Bình Nguyên	0.23	0.23		Xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 17; 18; 24; 25	Đăng ký bỏ sung diện tích đất lúa
5	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb, phân đoạn: Đoạn kết nối đến trục Bắc Nam thành phố Vạn Tường, cầu Quỳnh Lưu, Quang Mỹ và đoạn từ Đực Chánh đến DT.624C	11.82	1.00		Các xã: Bình Hải, Bình Hòa, Bình Tân Phú, Bình Châu	Tờ bản đồ số 67; 69; 70 xã Bình Hải; Tờ bản đồ số 62 xã Bình Hòa; Tờ bản đồ số 3; 4; 7; 8; 12; 13; 20; 21; 27; 81; 82; 84; 85 xã Bình Tân Phú; Tờ bản đồ số 19; 27; 28 xã Bình Châu	
6	Khu tái định cư xã Bình Hòa phục vụ GPMB Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb	2.00	1.25		xã Bình Hòa	Tờ bản đồ số 61; 66	
7	Khu tái định cư xã Bình Hải phục vụ GPMB Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb	1.00	0.50		xã Bình Hải	Tờ bản đồ số 64	

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
8	Khu tái định cư xã Bình Tân Phú phục vụ GPMB Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb	2.00	0.50		xã Bình Tân Phú	Tờ bản đồ số 20; 21; 27; 84		
9	Cửa hàng vật tư nông nghiệp HTX dịch vụ nông nghiệp Bình Hiệp	0.12	0.12		xã Bình Hiệp	Tờ bản đồ số 9		
10	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất giao BQL khu kinh tế Dung Quất thực hiện đầu tư xây dựng dự án tại vị trí 13	12.9	3.70		Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 51, 58		
11	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất giao BQL khu kinh tế Dung Quất thực hiện đầu tư xây dựng dự án tại vị trí 4	125.12	8.97		Xã Bình Phước	Tờ bản đồ số 15, 22, 23, 24, 25, 30, 31, 32, 33, 34, 38, 39, 40, 52, 55		
12	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất giao BQL khu kinh tế Dung Quất thực hiện đầu tư xây dựng dự án tại vị trí 3	62.11	4.00		Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 38, 18, 19, 25, 26, 32, 92, 93, 95, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104,		
13	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất giao BQL khu kinh tế Dung Quất thực hiện đầu tư xây dựng dự án tại vị trí 1	8.99	0.70		Xã Bình Trị	Tờ bản đồ số 4, 13, 14		
14	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất giao BQL khu kinh tế Dung Quất thực hiện đầu tư xây dựng dự án tại vị trí 8	3.90	0.50		Xã Bình Thuận, xã Bình Trị	Tờ bản đồ số 79, 80 xã Bình Thuận; Tờ bản đồ số 5, 6, 15, 16 xã Bình Trị		
15	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất giao BQL khu kinh tế Dung Quất thực hiện đầu tư xây dựng dự án tại vị trí 9	4.43	3.80		Xã Bình Thuận	Tờ bản đồ số 52, 59		

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó			Địa điểm (tên cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
16	Khu dân cư Đông Bắc Thị trấn Châu Ô	9.94	1.50		Thị trấn Châu Ô; xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 12 xã Bình Trung, Tờ bản đồ số 40; 41 Thị trấn Châu Ô		
17	Khu dân cư Châu Thuận Nông (gồm 2 phân khu)	18.14	6.06		Xã Bình Châu	Tờ bản đồ số 20; 22; 23		
18	Trụ sở làm việc UBND xã Bình Long	0.80	0.70		Xã Bình Long	Tờ bản đồ địa chính số 13		
19	Trụ sở làm việc UBND xã Bình Tân Phú	2.00	0.70		Xã Bình Tân Phú	Tờ bản đồ địa chính số 104;105;111;112		
20	Đường và hệ thống xử lý nước thải tập trung thị trấn Châu Ô	1.50	1.00		Xã Bình Trung	Tờ bản đồ địa chính số 02;03		
21	Khu dân cư Nam Bình tại xã Bình Nguyễn, huyện Bình Sơn	3.94	3.55		xã Bình Nguyễn	Tờ bản đồ địa chính số 14 và 21		
	Tổng cộng	286.99	41.07	0.00				

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỎA SÁNG, ĐẠI PHÍ NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN TRÀ BÔNG**
(Kèm theo Tờ trình số 26/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên BD địa chính (tờ BD số, thửa số hoặc vị trí trên BD hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Xây dựng các tuyến đường phía Bắc đô thị trấn Trà Xuân	10,64	1,00		TT. Trà Xuân; Trà Thủy	Tờ BD số 6, 7, 8, 9, 10, 20 và 32 (1/1000)	
2	Xây dựng các khu dân cư trong đô thị trấn Trà Xuân - Khu dân cư Ngõ Dồn 1	4,10	2,08		TT. Trà Xuân	Tờ BD số 19 và 20	
3	Xây dựng các khu dân cư trong đô thị trấn Trà Xuân - Khu dân cư Ngõ Dồn 2	9,26	6,40		TT. Trà Xuân	Tờ BD số 19 và 20	
4	Khu dân cư Đồng Trày và Khu dân cư Đồng Trối (bao gồm đất ở và đất cơ sở hạ tầng khu dân cư)	5,10	4,52		TT. Trà Xuân	Tờ BD số 16, 17 và 18	
5	Khu dân cư 21, tổ dân phố 3, thị trấn Trà Xuân	2,15	1,10		TT. Trà Xuân	Tờ BD số 18, 19 và 31	
6	Khu dân cư xã Trà Bình (thôn Bình Thuận)	1,57	0,47		Xã Trà Bình	Tờ BD số 34 và 35	
7	Khu dân cư xã Trà Bình (thôn Bình Đông)	1,00	0,20		Xã Trà Bình	Tờ BD số 41, 42 (1/1000) và Tờ BD số 5 (1/5000)	
8	Thủy điện Trà Phong 1C	26,50		4,40	Xã Trà Xinh	Tờ BD số 01, 5, 06 (1/5000)	
9	Cửa hàng xăng dầu xã Trà Phú	0,40	0,3		Xã Trà Phú	Tờ BD số 22 (1/1000)	
10	Tuyến đường từ cây Chò đi Trà Nham	15,00	0,50		Trà Tân, Hương Trà	Tờ BD số 5, 6, 7 (1/5000) xã Trà Tân; tờ BD số 2, 3 (1/5000) xã Hương Trà	Đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
11	Tuyến đường số 2 nội vùng Hồ Nước Trong	7,40	1,00	2,00	Trà Tây	Tờ BD số 5, 6, 7, 8 (1/5000) xã Trà Thọ (cũ), nay thuộc xã Trà Tây	
12	Xây dựng nhà công vụ Công an huyện Trà Bông (Mở rộng trụ sở Công an huyện)	0,39	0,39		TT. Trà Xuân	Tờ BD số 16 và 17	
TỔNG		83,51	17,96	6,40			

Biểu 2.6

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN SƠN HÀ**

(Kèm theo Tờ trình số 44/TT-UBND ngày 03./3./2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LVA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Đường DH.72 (Sơn Nham – Sơn Kỳ)	3.00	0.50		Sơn Cao Sơn Linh Sơn Nham		
2	Đường Hà Thành – Sơn Giang – Hải Giả (nối tiếp)	4.80	1.80		Sơn Giang Sơn Trung		
3	Đường Huyện đội - Nước Bung	2.51	2.00		TT. Di Lăng	Tờ BDDC 665548 TT Di Lăng	
4	Khu dân cư An Thịnh	5.00	4.00		TT. Di Lăng	Tờ BDDC 665548 TT Di Lăng	
5	Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh	10.11	0.07		Sơn Thượng	Tờ BDDC CS 656548;659548;66 2545;662545-9; số 17;18 xã Sơn Thượng	
6	Khắc phục Cầu Sơn Giang - Sơn Linh (xã Sơn Linh, Sơn Giang, huyện Sơn Hà)	2.50	0.50		Sơn Giang và Sơn Linh	Tờ BDDC 662560 xã Sơn Linh	
7	Trụ sở làm việc Đội Quản lý trật tự huyện Sơn Hà	0.1256	0.0914		Di Lăng	Trích đo địa chính	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
8	Thủy điện Trà Khúc 1; Hàng mục: Đường dây 110kV đầu nối nhà máy thủy điện Trà Khúc 1 vào Trạm biến áp 110/220kV Sơn Hà	299.31	6.9000		Sơn Giang, Sơn Trung, Sơn Thượng, TT Di Lăng	Trích đo địa chính	Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà tại QĐ 1391 ngày 31/12/2021
9	Thủy điện ĐăkBa; Hàng mục: Đầu nối nhà máy thủy điện ĐăkBa vào lưới điện quốc gia đường dây 110kV	0.76	0.1500		Sơn Bao, Sơn Thượng, TT Di Lăng	TỜ BDDC cơ sở số: Sơn Thượng: 662545-2; TT Di Lăng: 665548-4, 665548-2; Sơn Bao: 662542-3, 662545-1, 665545-8, 665545-6	
10	Thủy điện Sơn Nham	24.64	0.7300	4.42	Sơn Linh, Sơn Nham		Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Sơn Hà tại QĐ 149 ngày 13/3/2020
11	Đường DH 77 (Di Lăng - Sơn Bao)	2.83	0.3000		Sơn Bao, TT Di Lăng		Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà tại QĐ 1391 ngày 31/12/2021

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
12	Đường tránh tây thị trấn Di Lăng	4.70	0.72000		TT. Di Lăng		Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà tại QĐ 1391 ngày 31/12/2021
13	Cụm công nghiệp Sơn Hà, huyện Sơn Hà; hạng mục xây dựng hạ tầng kỹ thuật vị trí CN-05-06 thuộc đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm Công nghiệp Sơn Hà, huyện Sơn Hà	5.00	1.00000		Sơn Hà		Đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà tại QĐ 1391 ngày 31/12/2021
14	Cụm công nghiệp Sơn Hà, huyện Sơn Hà (phần mở rộng)	13.30	3.75		Sơn Hà		
Tổng		378.59	22.51	4.42			

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SÀNG ĐẤT PHÌ NÔNG NGHIỆP TRONG NĂM 2022 HUYỆN BA TƠ**

(Kèm theo Tờ trình số 86./TTr-UBND ngày 03./3./2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Diện tích đất LƯA		Diện tích đất RPH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA	Diện tích đất RPH				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	Đường Ba Bích - Ba Lễ - Ba Nam	15.43	0.13			xã Ba Bích, xã Ba Lễ	Tờ 12 BDLN xã Ba Bích; Tờ 8,12,15,19,23,24,27, 29 BDDC và tờ 3,4,8,9 BDLN xã Ba Lễ	Đã được thông qua tại NQ số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
2	Nâng cấp BTXM tuyến ĐT' 624 - Làng Tương	1.00	0.03			xã Ba Điện	Tờ 18,22,23,24,26,31,35 BDDC và tờ 7 BDLN	Đã được thông qua tại NQ số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
3	Nhà văn hóa thôn Làng Rêu	0.02	0.01			xã Ba Điện	Tờ 9 BDDC xã Ba Điện	Đã được thông qua tại NQ số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
4	Đường dây 110KV - Thủy điện Đak Re	1.46	0.13			xã Ba Xa, xã Ba Vì, xã Ba Tô, xã Ba Đình, xã Ba Cung, xã Ba Thành, xã Ba Động, xã Ba Liên, thị trấn Ba Tô		Đã được thông qua tại NQ số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
5	Khu dân cư đô thị mới Ba Tô	10.00	4.72			thị trấn Ba Tô	Tờ 2, 6, 7 BDDC thị trấn Ba Tô	Đã được thông qua tại NQ số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Địa điểm (tên cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
6	Đập Đèo Nai	0.32	0.22		xã Ba Vinh	Tờ 12, 13, 14, 20, 21, 28 BDDC và tờ 4 BDLN	đã được thông qua tại NQ số 36/2021/NQ-HBND ngày 10/12/2021 của HBND tỉnh Quảng Ngãi	
7	Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Ba Cung	0.15	0.15		xã Ba Cung	Tờ 15 BDDC xã Ba Cung	Là đất xây dựng trụ sở cơ quan; nằm trong Trung tâm hành chính mới của xã Ba Cung	
8	Nhà Quản lý vận hành Đới truyền tải điện (dự án Đường dây 500KV Độc Sỏi - Pleiku 2)	0.25	0.23		thị trấn Ba Tơ	Tờ 12 BDDC thị trấn Ba Tơ		
9	Đường dây 500KV Độc Sỏi - Pleiku 2	2.93	0.05	0.23	xã Ba Ngọc, xã Ba Tiêu, xã Ba Vi	Tờ 21,28,35,43 BDDC và tờ 3,5,9 BDLN xã Ba Ngọc; Tờ 33,38,51 BDDC và tờ 3,7,10 BDLN xã Ba Tiêu; Tờ 3,7,13,14,17,18,19 BDDC xã Ba Vi		
10	Trường THCS Ba Vi; hạng mục: Nhà Đa Năng	0.67	0.01		xã Ba Vi	Tờ 28 BDDC xã Ba Vi		
11	Đập và kênh Nước Ôn	0.20	0.1		xã Ba Bích	Tờ 50 BDDC xã Ba Bích		
12	Khu dân cư chỉnh trang phía Đông đường Trần Toại thị trấn Ba Tơ	0.79	0.01		thị trấn Ba Tơ	Tờ 7, 12 BDDC thị trấn Ba Tơ		
13	Thủy điện Đak Re 2	20.90	0.14	0.21	xã Ba Xa	Tờ 31, 32, 44, 45, 47, 48 BDDC xã Ba Xa		
14	Đường dây đầu nối 220KV Thủy điện Nước Long	8.50	0.45		xã Ba Tiêu	Tờ 35,40,43,48 BDDC và tờ 2,6,9 BDLN xã Ba Tiêu		
14	Tổng cộng	62.62	6.38	0.44				

Biểu 2.8

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHÌ NỒNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HẠNH**

Kèm theo *lô trình* số 46/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LVA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nâng cấp đường huyện DH.56C (Hành Minh - Hành Đức)	3.32	0.03		xã Hành Đức, Hành Minh	Tờ bản đồ: 8, 10, 11, 12, 31, 32, 33 (Hành Đức); Tờ bản đồ: 14, 15 (Hành Minh)	Đã được thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ- HDND ngày 10/12/2021 của HDND tỉnh
2	Cầu Hành Dũng – Hành Nhân	1.32	0.86		xã Hành Dũng, Hành Nhân	Tờ bản đồ: 23, 24 (Hành Dũng); Tờ bản đồ: 3, 4, 11, 26 (Hành Nhân)	Đã được thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ- HDND ngày 10/12/2021 của HDND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯU (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	(5)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hoá Phú Bình Đông	0.14	0.14		TT Chợ Chùa	Tờ bản đồ: 8	Đã được thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ- HDND ngày 10/12/2021 của HDND tỉnh	
4	Nhà văn hoá xã Hành Thuận	0.18	0.17		xã Hành Thuận	Tờ bản đồ: 11	Đã được thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ- HDND ngày 10/12/2021 của HDND tỉnh	
TỔNG		4.96	1.20					

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHÒNG NGHIỆP NĂM 2022 CỦA HUYỆN SON TÂY**

(Kèm theo Tờ trình số 46./TT-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LVA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	Đường Trường Sơn Đông, Gói thầu C4 (Cầu Nước Bua-Km144+904,28)	2.00	0.05		xã Sơn Bua	Tờ 5 BDLN xã Sơn Bua	Quyết định số 1699/QĐ-TM ngày 26/7/2021 của Bộ tổng tham mưu về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình gói thầu C4 (Cầu Nước Bua-Km144+904,28) Dự án đầu tư xây dựng đường Trường Sơn Đông và Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt KHSD đất năm 2022	
2	Đường điện 0,4KV xóm òng Lập KIDC số 4	0.05	0.01		xã Sơn Bua	Tờ bản đồ địa chính khu đất số 1 được đo vẽ bổ sung và biên tập từ tờ BDDC số 05 và 06 xã Sơn Bua (Dự án 245/QĐ-UBND ngày 28/02/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)	Công trình nằm trong Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018	
3	Kè chống sạt lở Trung tâm huyện	4.00	1.00		xã Sơn Mùa	Tờ 10 BDLN xã Sơn Mùa	Công trình nằm trong Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chú chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)				
4	Đường Măng Lăng – Nước Đóp (đoạn nối tiếp)	0.30	0.03	0.04	xã Sơn Long	Tờ 12,13 BDLN xã Sơn Dung	Công trình nằm trong Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	
5	Cầu Sơn Mùa và đường vào 2 đầu cầu	3.00	0.30		xã Sơn Mùa và xã Sơn Dung	Tờ bản đồ số 01, BDLN xã Sơn Dung và tờ bản đồ số 10, BDLN xã Sơn Mùa	Công trình nằm trong Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021	
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tập trung tại xã Sơn Long, huyện Sơn Tây	5.00	0.30		Xã Sơn Long	tờ BDDC số 13, xã Sơn Long tỷ lệ 1/5000 và tờ BDDC số 7 xã Sơn Long	Công trình nằm trong Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021	
Tổng cộng		14.35	1.69	0.04				

Biểu 2.10

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHƯƠNG CÔNG NGHIỆP NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số 15/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIb, phân đoạn: Đoạn kết nối đến trục Bắc Nam thành phố Vạn Tường, cầu Quỳnh Lưu, Quang Mỹ và đoạn từ Đức Chánh đến DT.624C	7.00	1.30		xã Tịnh Hòa, xã Tịnh Khê	Tờ bản đồ số 16, 37, 38, 39, 44, 45, 46, 52, 53, 59, 60 xã Tịnh Hòa, Tờ bản đồ số 2, 13, 16, 17, 19, 24 xã Tịnh Khê	Đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
2	Trung tâm Hội nghị và triển lãm tỉnh	5.63	2.62		phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 01	
3	Khu tái định cư xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi phục vụ GPMB dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong	3.20	0.1		xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 6, 7	
4	Cầu Kháng Chiến	0.54	0.42		xã Tịnh Thiện	Tờ bản đồ số 10	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất L/UA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5	Đường nối dân sinh và đường dẫn cầu xã Tịnh Khê (thuộc dự án Cầu Cửa Đại)	2.50	0.42		xã Tịnh Khê, xã Nghĩa Phú	Tờ bản đồ số 1,2,3,4,6,7,9 xã Nghĩa Phú, Tờ bản đồ số 18, 19, 21, 22, 46 xã Tịnh Khê	
6	Khu dân cư Tây Ân, thành phố Quảng Ngãi	9.82	0.17		xã Tịnh Ân Tây	Tờ bản đồ số 11, 20, 21	
7	Khu dân cư Nhân Hòa kết hợp chỉnh trang đô thị, phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi	5.27	1.41		phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 12, 31, 34	Đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
8	Khu dân cư phía Bắc đường Võ Nguyên Giáp	5	3.32		xã Tịnh Ân Tây	Tờ bản đồ số 8, 9, 11, 20	
9	Dự án khu dân cư Nam Nguyễn Trãi kết hợp chỉnh trang đô thị, thành phố Quảng Ngãi	4.53	0.21		phường Nghĩa Lộ, phường Quảng Phú	Tờ bản đồ số 1 phường Nghĩa Lộ; Tờ bản đồ số 30, 56, 57 phường Quảng Phú	
10	Khu dân cư bờ Bắc kết hợp chỉnh trang đô thị thành phố Quảng Ngãi	44.16	0.2		xã Tịnh An	Tờ bản đồ số 5, 8, 9, 10, 22, 23, 26, 27	
11	Quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa	85.01	1.1		xã Tịnh Ân Đông	Tờ bản đồ số 4, 5, 6, 7, 8	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯU (ha)	Diện tích đất RPHI (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
12	Dự án đầu tư và khai thác hạ tầng Khu dân cư kết hợp dịch vụ thể thao Hưng Thành Phát	2.85	2.47		xã Tịnh An Tây	Tờ bản đồ số 10, 12, 22	Đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021
13	Khu dân cư Thống Nhất kết hợp chỉnh đốn thị xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi	7.84	5.98		xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 11, 12, 22	
14	Khu dân cư H.C Homes Riverside	1.09	0.22		phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 08	
15	Trung tâm kinh doanh và trưng bày sản phẩm nước giải khát, bánh kẹo Quỳnh Ninh	0.44	0.43		phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 13, 35	
16	Trung tâm dịch vụ đăng kiểm ô tô Đất Quảng	0.68	0.68		phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 13	Đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
17	Cửa hàng kinh doanh thiết bị và trang trí nội thất xe ô tô kết hợp dịch vụ cảnh quan	1.00	0.9		xã Tịnh Ấn Đông	Tờ bản đồ số 14	
18	Trung tâm dịch vụ Đào tạo và Sát hạch lái xe Đất Quảng	4.98	0.83		xã Tịnh Ấn Tây	Tờ bản đồ số 6, 7, 10	
19	Khu dịch vụ nông nghiệp sinh thái tổng hợp Kim Dung Nam	1.79	0.05		xã Tịnh Thiện	Tờ bản đồ số 21	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPHI (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
20	Khu hành chính tập trung thành phố Quảng Ngãi	8.72	0.31		phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh An	Tờ bản đồ số 17 phường Trương Quang Trọng, Tờ bản đồ số 4, 8 xã Tịnh An	
21	Khu tái định cư xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi phục vụ GPMB dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1 (bổ sung)	1.16	1.16		xã Nghĩa Hà	Tờ bản đồ số 17, 18	
Tổng cộng		203.21	24.30	0.00			

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP KÈ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC**

(Kèm theo **Tờ trình số 36./TTr-UBND** ngày **03/3/2022** của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất lúa (ha)	Diện tích đất rừng phòng hộ (ha)				
1	Chợ Thi Phổ kết hợp khu dân cư (Dự án đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư)	4.73	4.30		Xã Đức Thanh	Tờ bản đồ số 7, 10 của xã Đức Thanh	Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	
2	Khu dân cư và Thương mại dịch vụ phía Đông cầu bà Trà (dự án đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư)	8.40	7.82		Xã Đức Tân, thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 7 xã Đức Tân; Tờ bản đồ số 1, 2 thị trấn Mộ Đức	Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	
3	Cụm công nghiệp An Sơn Đức Lân	50.41	1.78		Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 25, 26, 38, 39 của xã Đức Lân	Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Đức Hiệp	0.19	0.10		Xã Đức Hiệp	Tờ bản đồ số 12 của xã Đức Hiệp	Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	
5	Mở rộng Cơ sở Đạo Cao Đài, xã Đức Thắng	0.14	0.08		Đức Thắng	Tờ bản đồ 14 của xã Đức Thắng	Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	
6	Dự án: Khu dân cư Mẫu Nây, thôn Phước Hòa, xã Đức Phú; giai đoạn 1: Khu dân cư dọc đường vào trang trại Vinamilk, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	3.23	3.23		Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 17, 18, 25 của xã Đức Phú		
7	Khu dân cư Vĩnh Thành, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức	1.97	1.97		Xã Đức Minh	Tờ bản đồ số 20 của xã Đức Minh		
8	Khu dân cư Vườn Quán, xã Đức Thành, huyện Mộ Đức	1.31	1.31		Xã Đức Thành	Tờ bản đồ số 6, 7 của xã Đức Thành		
9	Nhà Văn hóa thôn Thạch Trụ Tây	0.06	0.06		Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 44 (thửa 47 và 85) của xã Đức Lân		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất lúa (ha)	Diện tích đất rừng phòng hộ (ha)			
10	Tuyến đường Bầu Súng - Biển Dạm Thủy Bắc (ĐH.34B)	4.38	0.58		Xã Đức Chánh, Đức Thanh và Đức Minh	Tờ bản đồ Số 19, 20, 26 xã Đức Chánh, Tờ bản đồ số 3 xã Đức Thanh, Tờ Bản đồ số 6, 7, 15, 19 xã Đức Minh	
11	Tuyến Đường QL1A (ngõ ông Rân) - Tân Phong	2.70	0.06		Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 6, 14, 15, 16	
12	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Lỗ Thùng, xã Đức Phú và xã Đức Hòa	5.62	0.03		Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 25 xã Đức Phú	
13	Khu Showroom trưng bày nội thất kết hợp nhà hàng tiệc cưới	1.00	1.00		Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ 2 của thị trấn Mộ Đức	Đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022
14	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Ân Đức Hòa	0.70	0.70		xã Đức Hòa	Tờ bản đồ số 16 của xã Đức Lân	
15	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Mộ Đức	0.25	0.25		Thị trấn Mộ Đức	Tờ bản đồ số 09	
Tổng cộng:		85.09	23.27				

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

(Kế hoạch Tờ trình số 26/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khu dân cư Hùng Nghĩa	0.81	0.81		xã Phố Phong	Tờ BD số 31	
2	Khu dân cư phía Nam đường Lê Thánh Tôn	2.75	0.84		Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ BD số 5, 6	
3	Đường Huỳnh Thúc Kháng	1.54	1.31		Phường Phố Minh, Phường Phố Hoà	Tờ BD DC 6 phường Phố Hoà; Tờ BD DC 16 phường Phố Minh	
4	Đường Huỳnh Công Thiệu nối dài và khu tái định cư	10.57	7.00		Phường Phố Minh, Phường Phố Ninh	Tờ BD DC 4; 5 phường Phố Ninh; Tờ BD DC 4; 5; 9 phường Phố Minh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Đức Phổ	10.00	0.05		xã Phò Nhơn	Tờ bản đồ số 8,9,16	
6	Cầu Cây Sộp và đường dẫn	0.52	0.10		xã Phò Phong	Tờ BD số 31	
	Tổng cộng	25.38	9.30				

Biểu 3:

**BẢNG TỔNG HỢP
CÔNG TRÌNH DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN
TRONG NĂM 2022 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên huyện, thành phố, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Huyện Tư Nghĩa	3	25.22	Biểu 3.1
2	Huyện Sơn Tịnh	3	1.52	Biểu 3.2
3	Huyện Bình Sơn	5	154.75	Biểu 3.3
4	Huyện Trà Bồng	2	101.1	Biểu 3.4
5	Huyện Ba Tơ	4	153.71	Biểu 3.5
6	Thành phố Quảng Ngãi	1	0.77	Biểu 3.6
7	Huyện Sơn Hà	1	0.76	Biểu 3.7
8	Thị xã Đức Phổ	1	0.24	Biểu 3.8
Tổng		20	438.07	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN XIN TIẾP TỰC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo dự trình số 36./TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước

1	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa	8.02	Xã Nghĩa Hoà, Nghĩa Thương, Nghĩa Hiệp huyện Tư Nghĩa,	3.45	4.57		8.02	Hiện nay, dự án đang triển khai công tác xác nhận nguồn gốc đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
2	Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ (giai đoạn 1).	3.3	Thị trấn Sông Vệ	3.076	0.224	0	3.30	Do đơn giá bồi thường đất nông nghiệp tại thị trấn Sông Vệ là 105 triệu/sào, thấp so với 120 triệu/sào các dự án lân cận trước đây. Từ đó một số người dân không nhận tiền bồi thường. Hơn nữa, số hộ có đất nhận tiền không liên thừa nên không thể giao đất được	Kế hoạch sử dụng đất năm 2017

II. Công trình ngoài ngân sách

3	Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tầm nhìn Suối nước nóng Nghĩa Thuận	13.9	Xã Nghĩa Thuận				13.90	Dự án này không thuộc trường hợp được thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, 62, Luật Đất đai năm 2013. Việc sử dụng đất để thực hiện dự án phải thông qua hình thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê quyền sử dụng đất,... theo quy định tại Điều 73, Luật Đất đai. Do vướng mắc trong việc giải quyết lập hồ sơ thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với các hộ dân chưa đủ điều kiện chuyển nhượng nên dẫn đến thời gian thực hiện kéo dài. Hiện nay đã thông nhất giải quyết. (Diện tích đất lúa được HDND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 là 9,61ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2017
Tổng		25.22		6.526	4.794	0	25.22		

Biểu 3.2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐUẨN XIN TIẾP TỨC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUỶỆN SƠN ĐỊNH


 Kèm theo Tài trình số 16/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (tên cấp xã)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hỏi	Chưa thu hỏi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

I. Công trình thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước

1	Khu thể thao xã Tinh Phong	1	xã Tinh Phong	0,94	0,06		1,00	Dự án có trong kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm. Hiện, dự án đã thu hồi, bồi thường 9452,1m ² , hiện nay còn vướng bồi thường 1 hộ dân diện tích 2383,8m ² . Xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022 để hoàn thành tục giải phóng mặt bằng đất còn lại và lập thủ tục chuyên mục đích, giao đất	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
2	Nhà thờ Thiên Lộc	0,27	xã Tinh Hà		0,27		0,27	Dự án có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018, nguồn vốn ngân sách nhà nước. Hiện nay đã có thông báo thu hồi đất, xin tiếp tục thực hiện để hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2022	Kế hoạch sử dụng đất năm 2018

II. Công trình ngoài ngân sách

3	Xây dựng chùa Pháp Hoa	0,25	Xã Tinh Hà					Đang hoàn thiện các thủ tục về đất đai	Được tiếp tục thực hiện năm 2021, nay xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022
Tổng		1,52		0,94	0,33		1,27		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Tờ trình số 86/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên Công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Trong đó				Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	GHI CHÚ
						Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước											
1	Dự án Nhà truyền thống và Thư viện huyện Bình Sơn	Thị trấn Châu Ô	0.52			0.47	0.05		0.52	Đang tiếp tục triển khai thực hiện công tác bồi thường, GPMB và giao đất	KHSDD năm 2019
2	Công viên cây xanh bờ kè Bắc sông Trà Bồng, huyện Bình Sơn	Thị trấn Châu Ô	2.80				2.80		2.80	Đang tiếp tục triển khai thực hiện công tác bồi thường, GPMB và giao đất	Tiếp tục thực hiện trong KHSD năm 2021
3	Trường mẫu giáo xã Bình Chương	xã Bình Chương	0.25							Đang thực hiện các thủ tục về đất đai	Kế hoạch sử dụng đất năm 2016

STT	Tên Công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	GHI CHÚ
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
4	Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bông phục vụ Khu Kinh tế Dung Quất, huyện Bình Sơn (giai đoạn 1)	xã Bình Đông	85.00						85.00	Đang thực hiện GPMB và tiếp tục thực hiện thu hồi đất. Đồng thời, bổ sung hồ sơ trình Thủ tướng chính phủ chấp thuận việc chuyển mục dịch sử dụng đất lúa	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
5	Tuyến đường Trĩ Bình - Cảng Dung Quất	xã Bình Chánh, xã Bình Thành, xã Bình Đông, xã Bình Thuận	66.18						66.18	Đang thực hiện GPMB. Đồng thời, bổ sung hồ sơ trình Thủ tướng chính phủ chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
Tổng cộng			154.75	0.00		0.47	2.85		154.75		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KINH TIẾP TỰC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN TRÀ BÔNG

(Kèm theo Tờ trình số 16/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Tổng số			Chưa giao	Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú		
				Đất lúa (LUC)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất thu hồi				Chưa thu hồi	Đã giao
I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước											
1	Cầu Suối Nang 3	Thị trấn Trà Xuân	1.60			0.53	1.07		1.60	Vướng mắc chưa có quỹ đất để bố trí tài chính dự kiến cho 03 hộ bị ảnh hưởng dự án; đồng thời chưa thực hiện công tác chuyển mục đích và giao đất.	Kế hoạch sử dụng đất năm 2018
II. Công trình ngoài ngân sách											
2	Thủy điện Trà Phong (Bao gồm các hạng mục: Lòng hồ Nhà quản lý vận hành; đường thi công - vận hành, cun đầu mối; Nhà máy và đường dây đầu nối vào TBA 220 kW Sơn Hà)	xã Sơn Trà, xã Trà Phong, Trà Xuân và xã Trà Tây	99.50	0.20	8.20	13.55	85.95	-	99.50	Đã phê duyệt PABT đợt 1 theo Quyết định số 6451/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Trà Bông; đã nộp tiền trồng rừng thay thế theo Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Diện tích còn lại đang kiểm kê, lập PABT đợt 2	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
TỔNG CỘNG			101.10	0.20	8.20	14.08	87.02	0.00	101.10		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN XIN TIẾP TỨC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN BA TÔ

(Kèm theo Tờ trình số 46/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó				Lý do xin tiếp tục thực hiện năm 2022	Ghi chú		
				Đất lúa (LU)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hỏi	Chưa thu hỏi			Đã giao	Chưa giao
II/ Công trình thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước											
1	Thủy điện Đak Re 2	20.90	xã Ba Xa	4.71	0.21	17.15	3.75	5.05	15.85	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; Đăng ký vào KHSDĐ 2022 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất	KHSDĐ 2019
2	Thủy điện Ba Vi	73.44	xã Ba Tiêu, xã Ba Ngạc	0.7		19.32	54.12	0	73.44	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; Đăng ký vào KHSDĐ 2022 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất	KHSDĐ 2019
3	Đường dây đầu nối 220KV Thủy điện Nước Long	8.50	xã Ba Tiêu	0.45		0.65	7.85	0	8.50	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; Đăng ký vào KHSDĐ 2022 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất	KHSDĐ 2019
4	Thủy điện Sông Liên 2	50.87	xã Ba Bích và Ba Lế	4.7					50.87	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án bồi thường và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; Đăng ký vào KHSDĐ 2022 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất và cho thuê đất	Quyết định số 610/QĐ- UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh)
Tổng cộng		153.71	0.00	10.56	0.21	37.12	65.72	5.05	148.66		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN GIẢI TỰC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số 16/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước									
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Khoa bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi	0.77	phường Trần Phú					Đang hoàn thiện các thủ tục về đất đai	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
Tổng		0.77		0	0	0	0		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ AN XIN TIẾP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN SƠN HÀ

(Kèm theo Tờ trình số 46/TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đơn cấp xét)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. Công trình ngoài ngân sách									
1	Thủy điện ĐakBai; Hàng mục: Đầu nối nhà máy thủy điện ĐakBa vào lưới điện quốc gia đường dây 110KV	0.76	Sơn Bao, Sơn Thượng, TT Di Lăng					Để hoàn thiện các thủ tục về đất đai	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
Tổng		0.76		0	0	0	0		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỨC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số K. /TT-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Trong đó		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước									
1	Khu dân cư vùng lôm	0.24	Phường Phố Hòa					Đề hoàn thiện các thủ tục về đất đai	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019
Tổng		0.24		0	0	0	0		